

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2020.
V/v “ *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thủy.

Ông Phạm Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979. (có mặt)

Địa chỉ: B59 tổ 5, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968. (có mặt).

Địa chỉ: Số 43 tổ 3, ấp P xã H, huyện L, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1964. (có mặt).

Địa chỉ: Số 43 tổ 3, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H là chỗ bạn làm ăn quen biết. Vào năm 2017 bà T có cho bà H vay tiền, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 13/5/2017 bà T cho bà H vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng); Lần thứ 2 vào ngày 26/5/2017 bà T cho bà H vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tổng số bà T cho bà H vay là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu

đồng). Mục đích bà H vay tiền của bà T để buôn bán, khi vay tiền hai bên có viết giấy tay ghi nhận số tiền vay, không ghi ngày trả nợ cụ thể mà ghi khi nào bà T cần tiền sẽ báo trước cho bà H 01 tháng, không ghi lãi suất vào giấy vay tiền mà thỏa thuận bằng miệng, lãi suất hàng tháng là 6.300.000đồng, sau đó giảm dần xuống 6.000.000đồng/01 tháng, tuy nhiên bà T có tháng lấy tiền lãi, có tháng không lấy, có tháng thì chỉ lấy một nửa tiền lãi, có tháng lấy 5.000.000đồng tiền lãi, từ đầu năm 2019 cho tới nay thì bà T không lấy tiền lãi của bà H nữa mà yêu cầu bà H trả tiền gốc. Từ đầu năm 2019 đến nay bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H vẫn không trả. Khi cho bà H vay tiền thì bà T trực tiếp đưa tiền cho bà H, không có mặt chồng bà H là ông Trần Văn L, nhưng khi bà T tới yêu cầu bà H trả nợ thì ông L có biết. Chữ viết Trần V L trong giấy vay tiền là của bà H viết. Nay, bà T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L trả cho bà T số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng), bà T không yêu cầu bà H ông L trả tiền lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không đồng ý phương án vợ chồng bà H đưa ra là trả tiền hàng tháng cho bà T, từ khoảng 2.000.000đồng trở xuống cho đến khi trả hết nợ. Nếu bà H không thể trả cho bà T một lần được, thì bà T yêu cầu bà H trả trước 105.000.000đồng, còn 105.000.000đồng trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Chồng của bà T là ông Mai Văn A không biết về số tiền bà T cho bà H vay, số tiền bà T cho bà H vay là tiền làm ăn của bà T, không liên quan đến ông A, bà T đề nghị Tòa án không đưa ông A vào tham gia tố tụng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian vay tiền, số tiền vay, lãi suất vay, mục đích bà H vay tiền của bà T để buôn bán, khi vay có viết giấy tay thỏa thuận và hẹn khi nào bà T cần tiền thì báo trước 01 tháng cho bà H. Tổng số tiền bà H vay của bà T là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng), đến đầu năm 2019 thì bà T không lấy tiền lãi nữa mà yêu cầu bà H trả tiền gốc, nhưng do kinh tế của bà H gặp khó khăn nên khi bà T báo trả tiền gốc thì bà H không trả được. Nay, bà T yêu cầu bà H trả hết số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) thì bà H đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện nay của bà H rất khó khăn, không thể trả hết số tiền 210.000.000đồng một lần cho bà T được, do đó bà H đề nghị được trả tiền hàng tháng cho bà T, khoảng từ 2.000.000đồng trở xuống cho đến khi trả hết nợ, tháng nào có nhiều tiền sẽ trả bà T nhiều hơn. Việc bà T yêu cầu bà H trả trước 105.000.000đồng, còn 105.000.000đồng trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ thì bà H không đồng ý.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Trần Văn L, khi bà H vay tiền của bà T thì ông L không biết, khi bà H tới nhà yêu cầu trả số tiền 210.000.000đồng và khởi kiện thì ông L mới biết. Nay bà T yêu cầu bà H và ông L cùng trả số tiền 210.000.000đồng cho bà T thì ông L đồng ý, vì ông L và bà H là vợ chồng, khi làm có tiền ông L sẽ đưa cho bà H để phụ trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, do hoàn

cảnh hiện nay của vợ chồng ông L rất khó khăn, không thể trả hết số tiền 210.000.000đồng một lần cho bà T được, do đó ông L đề nghị được trả tiền hàng tháng như bà H trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án, xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L trả hết cho bà T số tiền 210.000.000đồng, về lãi suất do bà T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án và có hộ khẩu thường trú tại huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L trả hết số tiền đã vay là 210.000.000đồng, bà T không yêu cầu tính tiền lãi suất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T cho bà H vay tổng số tiền là 210.000.000đồng được chia thành 02 lần, lần 1 vào ngày 13/5/2017 vay 60.000.000đồng; Lần 2 vào ngày 26/5/2017 vay số tiền 150.000.000đồng, khi vay có viết giấy tay thỏa thuận, không ghi thời hạn trả nợ cụ thể mà thỏa thuận khi nào bà T cần tiền sẽ báo trước cho bà H 01 tháng; lãi suất vay một tháng là 6.300.000đồng, bà T và bà H đều thống nhất việc có tháng bớt tiền lãi còn 6.000.000đồng rồi xuống 5.000.000đồng, có tháng bà T lấy tiền lãi, có tháng không, đến đầu năm 2019 thì bà T không lấy tiền lãi nữa mà yêu cầu trả nợ gốc. Trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bà H thừa nhận có vay của bà T tổng số tiền là 210.000.000đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà T, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được thời gian trả nợ.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay tiền giữa bà H và bà T và việc bà H chưa trả nợ cho bà T là có thật, được các đương sự thừa nhận, nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ gốc là: 210.000.000đồng (hai trăm mười triệu đồng).

[5] Đối với ông Trần Văn L: Bà T, bà H và ông L đều thừa nhận ông L là chồng bà H, khi bà H vay tiền của bà T thì ông L không biết. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông L đồng ý cùng bà H trả cho bà T số tiền 210.000.000đồng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông L, ông L có nghĩa vụ cùng bà H trả cho bà T số tiền 210.000.000đồng.

[6] Về lãi suất vay: Do bà T không yêu cầu bà H và ông L trả tiền lãi suất nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà H và ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đồng (210.000.000đ x 5%). Do bà H và ông L có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L xác nhận, nên giảm một phần tiền án phí cho bà H ông L. Bà H và ông L còn phải nộp 5.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L.

2- Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 210.000.000đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L phải chịu 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002685 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

4- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT (GD-KT);
- VKSND H.Long Điền;
- Chi cục THA DS H.Long Điền;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

